

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN KINH TẾ VĨ MÔ

1. THÔNG TIN TỔNG QUÁT

Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế vĩ mô

Tên học phần (tiếng Anh): Macroeconomics

Trình độ: Đại học

Mã học phần: 0101002349

Mã tự quản: 13200005

Thuộc khối kiến thức: Giáo dục đại cương **Loại học phần:** Bắt buộc

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Phân bố thời gian:

- Số tiết lý thuyết : 45 tiết
- Số tiết thí nghiệm/thực hành (TN/TH) : 00 tiết
- Số giờ tự học : 90 giờ

Điều kiện tham gia học tập học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Kinh tế vi mô (0101002341)
- Học phần song hành: Không.

Hình thức giảng dạy: ☐ Trực tiếp ☐ Trực tuyến (online) ☒ Thay đổi theo HK

2. THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

STT	Họ và tên	Email	Đơn vị công tác
1	TS. Nguyễn Văn Ít	itnv@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
2	ThS. Nguyễn Thị Ánh Hồng	hongnta@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
3	ThS. Nguyễn Lương Ngân	ngannl@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
4	ThS. Lê Thị Ngọc	ngoclt@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
5	ThS. Dương Thị Hồng Vân	vandth@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT
6	ThS. Phạm Thị Thanh Huyền	huyenptt@huit.edu.vn	Khoa QTKD - HUIT

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Kinh tế vĩ mô thuộc khối kiến thức Cơ sở ngành, là cơ sở để học tốt các

học phần Kinh tế quốc tế, Quản trị vận hành, Quản trị xuất nhập khẩu... Học phần này nghiên cứu hành vi của nền kinh tế nói chung trong việc phân bổ nguồn lực khan hiếm để sản xuất hàng hóa, dịch vụ nhằm tối đa hóa phúc lợi xã hội và đạt được các mục tiêu kinh tế. Học phần cũng cung cấp cách tính sản lượng cân bằng quốc gia, mục tiêu và nguyên tắc thực hiện các chính sách vĩ mô. Qua đó sinh viên hiểu được các chính sách vĩ mô được thực hiện trong nền kinh tế, từ đó hiểu được được tác dụng của chính sách đối với nền kinh tế, đồng thời có khả năng làm việc, tư duy và vận dụng môn học cho công việc thực tế.

4. CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

CDR của CTĐT	CDR học phần	Mô tả CDR (Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng)	Mức độ năng lực
PLO2.1	CLO1	CLO1.1 Áp dụng được kiến thức về kinh tế, các mô hình kinh tế, các chính sách kinh tế vĩ mô.	C3
		CLO1.2 Phân tích được chỉ tiêu về thu nhập, tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp	C4
PLO3.2	CLO2	CLO2.1 Thực hiện chính xác việc áp dụng tính toán sản lượng cân bằng quốc gia	P3
		CLO2.2 Thể hiện đúng cách sử dụng từng công cụ đối với các chính sách. Tính toán được sự cân bằng trên 2 thị trường hàng hóa và tiền tệ	P3
PLO6	CLO3	Áp dụng được kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả trong các tình huống về kinh tế.	P3

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

5.1. Phân bố thời gian tổng quát

STT	Tên chương/bài	Chuẩn đầu ra của học phần	Phân bố thời gian (tiết/giờ)		
			Lý thuyết	TN/TH	Tự học
1	Chương 1. Khái quát về kinh tế học vĩ mô	CLO1.1; CLO3	6	0	12
2	Chương 2. Đo lường sản lượng quốc gia	CLO1.2; CLO3	6	0	12
3	Chương 3. Xác định sản lượng cân bằng quốc gia	CLO2.1; CLO3	6	0	12
4	Chương 4. Chính sách tài	CLO2.1; CLO2.2; CLO3	9	0	18

STT	Tên chương/bài	Chuẩn đầu ra của học phần	Phân bố thời gian		
			(tiết/giờ)		
			Lý thuyết	TN/TH	Tự học
	khoá và ngoại thương				
5	Chương 5. Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ	CLO2.2; CLO3	9	0	18
6	Chương 6. Mô hình IS – LM	CLO2.2; CLO3	6	0	12
7	Chương 7. Lạm phát và thất nghiệp	CLO1.1; CLO1.2; CLO3	3	0	6
Tổng			45	0	90

5.2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Khái quát về kinh tế học vĩ mô

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Kinh tế học

1.1.2. Kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô

1.1.3. Kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc

1.1.4. Đường giới hạn khả năng sản xuất

1.1.5. Sản lượng tiềm năng và định luật Okun

1.2. Giới hạn khả năng sản xuất và ba vấn đề quan tâm

1.2.1. Đường giới hạn khả năng sản xuất

1.2.2. Ba vấn đề trung tâm

1.3. Mục tiêu và công cụ điều tiết vĩ mô

1.4. Tổng cung và tổng cầu

1.4.1. Khái niệm

1.4.2. Các đường tổng cung và tổng cầu theo giá.

1.4.3. Mục tiêu ổn định và tăng trưởng trên đồ thị

Chương 2. Đo lường sản lượng quốc gia

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khấu hao

2.1.2. Đầu tư tư nhân

- 2.1.3. Tiêu dùng và tiết kiệm
- 2.2. Khái quát về hai chỉ tiêu GDP và GNP
 - 2.2.1. Phân biệt GDP và GNP
 - 2.2.2. Giá cả dùng tính GDP và GNP
 - 2.2.3. Các chỉ tiêu dùng để so sánh
- 2.3. Tính GDP danh nghĩa theo giá thị trường
 - 2.3.1. Sơ đồ chu chuyển kinh tế
 - 2.3.2. Phương pháp tính GDP

Chương 3. Xác định sản lượng cân bằng

- 3.1. Tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư.
 - 3.1.1. Các khái niệm
 - 3.1.2. Hàm tiêu dùng và hàm tiết kiệm theo thu nhập khả dụng
- 3.2. Đầu tư tư nhân
 - 3.2.1. Các nhân tố ảnh hưởng đầu tư
 - 3.2.2. Hàm đầu tư
- 3.3. Hàm tổng cầu theo sản lượng
- 3.4. Sản lượng cân bằng và số nhân của tổng cầu.
 - 3.4.1. Xác định sản lượng cân bằng
 - 3.4.2. Số nhân tổng cầu
- 3.5. Nghịch lý tiết kiệm
 - 3.5.1. Phân tích nghịch lý
 - 3.5.2. Giải quyết nghịch lý

Chương 4. Chính sách tài khoá và ngoại thương

- 4.1. Các yếu tố tổng cầu.
- 4.2. Xác định sản lượng cân bằng
- 4.3. Mô hình số nhân.
 - 4.3.1. Số nhân của tổng cầu
 - 4.3.2. Các số nhân cá biệt
- 4.4. Tác động của chính sách ngoại thương.
 - 4.4.1. Chính sách gia tăng xuất khẩu
 - 4.4.2. Chính sách hạn chế nhập khẩu

4.5. Chính sách tài khóa

4.5.1. Tác động của chính sách tài khóa

4.5.2. Định lượng cho chính sách tài khóa

Chương 5. Tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ

5.1. Tiền tệ

5.1.1. Tiền tệ là gì

5.1.2. Chức năng của tiền

5.1.3. Các hình thức tiền tệ

5.1.4. Khối lượng tiền tệ

5.2. Ngân hàng

5.2.1. Quá trình phát triển của hệ thống ngân hàng

5.2.2. Hệ thống ngân hàng hiện đại

5.2.3. Ngân hàng trung gian

5.2.4. Ngân hàng trung ương

5.2.5. Hệ thống ngân hàng Việt Nam

5.2.6. Kinh doanh và dự trữ của ngân hàng

5.3. Tiền ngân hàng và số nhân tiền tệ

5.3.1. Cách tạo tiền ngân hàng

5.3.2. Số nhân tiền tệ

5.4. Công cụ làm thay đổi khối lượng tiền.

5.4.1. Hoạt động thị trường mở

5.4.2. Thay đổi tỉ lệ dự trữ bắt buộc

5.4.3. Lãi suất chiết khấu

5.4.4. Lãi suất trả tiền gửi sử dụng séc

5.5. Chính sách tiền tệ nhằm ổn định hoá

5.5.1. Tác động của chính sách tiền tệ

5.5.2. Định lượng cho chính sách tiền tệ

Chương 6. Mô hình IS – LM

6.1. Đường IS

6.1.1. Cách xây dựng đường IS

6.1.2. Ý nghĩa của đường IS

6.1.3. Phương trình đường IS

6.1.4. Sự dịch chuyển của đường IS

6.2. Đường LM

6.2.1. Cách xây dựng đường LM

6.2.2. Ý nghĩa của đường LM

6.2.3. Phương trình đường LM

6.2.4. Sự dịch chuyển của đường LM

6.3. Tác động của chính sách vĩ mô

Chương 7. Lạm phát và thất nghiệp

7.1. Lạm phát

7.1.1. Khái niệm

7.1.2. Phân loại

7.1.3. Cách tính tỉ lệ lạm phát

7.1.4. Nguyên nhân của lạm phát.

7.1.5. Tác động của lạm phát

7.1.6. Biện pháp chống lạm phát

7.2. Thất nghiệp

7.2.1. Đo lường thất nghiệp

7.2.2. Các dạng thất nghiệp

7.2.3. Biện pháp giảm thất nghiệp

7.3. Quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Nhóm CDR của học phần		
		Kiến thức	Kỹ năng cá nhân	Kỹ năng làm việc nhóm
		CLO1.1; CLO1.2	CLO2.1; CLO2.2	CLO3
Thuyết trình	Lắng nghe, ghi chép, ghi nhớ và đặt câu hỏi	x		
Mình họa	Quan sát, ghi chép, đặt câu hỏi	x		
Vấn đáp	Vấn đáp	x	x	x

Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập	Nhóm CDR của học phần		
		Kiến thức	Kỹ năng cá nhân	Kỹ năng làm việc nhóm
		CLO1.1; CLO1.2	CLO2.1; CLO2.2	CLO3
Bài tập tình huống (bài tập nhóm)	Đọc tài liệu, thảo luận nhóm, phản biện, trình bày.	x	x	x

7. ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- Thang điểm đánh giá: 10/10
- Kế hoạch đánh giá học phần cụ thể như sau:

Hoạt động đánh giá	Thời điểm	Chuẩn đầu ra	Tỉ lệ (%)	Thang điểm/Rubric
QUÁ TRÌNH			50	
Chuyên cần	Suốt quá trình học	Không đánh giá chuẩn đầu ra	5	
Tham gia làm bài tập, thảo luận	15/15	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3	10	Số I.3
Thi giữa kỳ			20	
Bài tự luận/ trắc nghiệm trên lớp	Tuần 12	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2; CLO3	15	Theo đáp án
THI CUỐI KỲ			50	
Bài trắc nghiệm online	Kết thúc HP	CLO1.1; CLO1.2; CLO2.1; CLO2.2		Theo thang điểm của đề thi

8. NGUỒN HỌC LIỆU

8.1. Sách, giáo trình chính:

[1] Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2019), *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

8.2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà (2014), *Tóm tắt – Bài tập – Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

[2] Nguyễn Minh Tuấn, Trần Nguyễn Minh Ái (2015), *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

[3] Phan Nữ Thanh Thủy, Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư (2013), *Kinh tế vĩ mô*, Nhà xuất bản Thống Kê.

[4] Mankiw, N. Gregory (2016), *Principles of Microeconomics*, Worth Publishers.

9. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

Người học có nhiệm vụ:

- Tham dự trên 75% giờ học lý thuyết;
- Chủ động lên kế hoạch học tập:
 - + Đọc trước tài liệu do giảng viên cung cấp hoặc yêu cầu;
 - + Ôn tập các nội dung đã học; tự kiểm tra kiến thức bằng cách làm các bài trắc nghiệm kiểm tra hoặc bài tập được cung cấp.
- Tích cực tham gia các hoạt động thảo luận, làm bài thuyết trình tiêu luận;
- Dự kiểm tra trên lớp (nếu có) và thi cuối học phần.

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Phạm vi áp dụng: Đề cương này được áp dụng cho chương trình đại học ngành Quản trị kinh doanh thực phẩm, từ khóa 15DH, năm học 2024-2025.;

- Giảng viên: sử dụng đề cương này để làm cơ sở cho việc chuẩn bị bài giảng, lên kế hoạch giảng dạy và đánh giá kết quả học tập của người học;

- Lưu ý: Trước khi giảng dạy, giảng viên cần nêu rõ các nội dung chính của đề cương học phần cho người học – bao gồm chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy và học chủ yếu, phương pháp đánh giá và tài liệu tham khảo dùng cho học phần;

- Người học: sử dụng đề cương này làm cơ sở để nắm được các thông tin chi tiết về học phần, từ đó xác định được phương pháp học tập phù hợp để đạt được kết quả mong đợi.

11. PHÊ DUYỆT

☒ Phê duyệt lần đầu

Ngày phê duyệt: 12/08/2024

☐ Bản cập nhật lần thứ:

Ngày cập nhật:

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Chủ nhiệm học phần

Huỳnh Quang Linh

Ngô Văn Thạo

Nguyễn Văn Ít